TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29–9–2022

"V/v ly hôn giữa
Anh H và chị T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn tác

2. Ông Dương Văn Lũy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thiện Nhân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng– Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lê Bảo H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 41, tổ 02, ấp An Quới, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: phòng số 2B, nhà trọ Tư Đông, tổ 04, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Ngọc Phương Tr, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 418, tổ 10, ấp Hiệp Hưng, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Bảo H trình bày:

Do mai mối anh và chị Nguyễn Ngọc Phương Tr tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 21 tháng 6 năm 2018.

Sau khi cưới vợ chồng đến tỉnh Bình Dương để làm thuê đến tháng 02 năm 2020 thì do vợ chồng có con chung nên trở về nhà cha mẹ anh sinh sống để gia đình phụ giúp nuôi con, trong thời gian này vợ chồng xảy mâu thuẫn do chị Tr và mẹ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con. Đến khoảng tháng 02 năm 2021, vợ chồng trở lại tỉnh Bình Dương để làm thuê, trong quá trình chung sống thì anh phát hiện chị Tr có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nhưng gia đình hai bên động viên hàn gắn nên tiếp tục chung sống. Đến tháng 06 năm 2021, do dịch bệnh nên chị Tr ở lại công ty làm và phát sinh tình cảm với một người đàn ông khác, đến lúc này chị nói trực tiếp với anh là không còn tình cảm với anh và không đồng ý tiếp tục chung sống nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện nay được biết chị Tr chung sống với người khác ở tỉnh Cà Mau (không rõ địa chỉ cụ thể), do chị Tr đăng ảnh cưới và công khai sống chung với người đàn ông khác trên mạng xã hội Facebook, Zalo. Anh H không còn tình cảm với chị Tr, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Phương Tr.

Về nuôi con chung: anh H và chị Tr có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo Anh, sinh ngày 14/12/2019, anh H đang nuôi dưỡng, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được bà D T A N là mẹ ruột của anh Lê Bảo H cho biết: Quá trình chung sống anh H và chị Tring phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và chăm sóc con, chị Tr có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và không còn chung sống với anh H từ năm 2021 đến nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, anh Lê Bảo H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Phương Tr là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh H và chị Tr có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo Anh, sinh ngày 14/12/2019, sống chung với anh H. Xét thấy, cháu Bảo Anh đang sống với anh H, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Bảo Anh cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ các căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tr nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Tr với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân: Anh H và chị Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và chăm sóc con chung. Chị Tr có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và ly thân từ năm 2021.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho

nhau… Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau…". Thế nhưng vợ chồng chị anh H và chị Tr đã không còn tin tưởng, thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, anh Lê Bảo H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Phương Tr là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh anh H và chị Tr có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo Anh, sinh ngày 14/12/2019, sống chung với anh H. Xét thấy, cháu Bảo Anh đang sống với anh H, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Bảo Anh cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không.

[2.4] Về nợ chung: Không.

[2.5] Về nợ chung: Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Lê Bảo H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Bảo H được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Phương Tr.

2. Về con chung: Chị Ngân tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Bảo Anh, sinh ngày 14/12/2019, hiện nay đang sống chung với anh H. Chị Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: không

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Lê Bảo H phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005142 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Tr không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA